

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức sử dụng nước tối thiểu phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng và mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng ủy thác qua Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2932/TTr-SNNMT ngày 31/3/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định quy định mức sử dụng nước tối thiểu phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng và mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng ủy thác qua Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức sử dụng nước tối thiểu phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng đối với cơ sở sản xuất công nghiệp và mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản trong trường hợp chi trả ủy thác qua Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, khoản 3 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp, khoản 4 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024.

3. Cơ sở nuôi trồng thủy sản là tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp, khoản 6 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

4. Cơ sở nuôi trồng thủy sản là tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản.

Điều 3. Mức sử dụng nước tối thiểu và mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng ủy thác qua Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên

1. Mức sử dụng nước tối thiểu phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng từ 10m³/ngày đêm trở lên đối với cơ sở khai thác và sử dụng nước dưới đất; 100m³/ngày đêm trở lên đối với cơ sở khai thác và sử dụng nước mặt.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng bằng 01% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

3. Cơ sở nuôi trồng thủy sản là tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp được quy định chi tiết tại khoản 6 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng bằng 01% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai chỉ đạo Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo quy định nêu trên làm cơ sở tính toán mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các cơ sở sản xuất công nghiệp, các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, các tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng, các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, các tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản chi trả ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên; Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan